

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/DS-PT  
Ngày 05 - 9 - 2019  
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán  
tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông K'Tiêng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Xuân Chiến và ông Phạm Văn Cảnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2018/DS-ST ngày 29-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2019/QĐ-PT ngày 11-3-2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty TNHH MTV Y; trụ sở: Số Z, Quốc lộ W, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Văn Y - Chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: S Số Z, Quốc lộ W, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Trịnh Văn T; địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

**3. Những người làm chứng:**

3.1. Chị Đỗ Thị H; địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

3.2. Ông Phan Văn C; địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

**4. Người kháng cáo:** Ông Trịnh Văn T là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Văn Y trình bày:* Năm 2017, Doanh nghiệp Tư nhân Y (hiện nay là Công ty TNHH MTV Y, gọi tắt là Công ty) bán cho ông Trịnh Văn T 07 tấn phân bón, loại phân hữu cơ vi sinh, giá bán là 3.900.000 đồng/tấn, thành tiền là 27.300.000 đồng; Công ty đã giao phân bón cho ông T và cho nợ tiền thanh toán đến ngày 25-12-2017; trường hợp quá hạn không thanh toán thì phải chịu lãi suất quá hạn là 1,5%/tháng. Việc mua bán phân bón được lập thành văn bản với nội dung Hợp đồng mua bán kèm phiếu giao nhận hàng hóa ngày 05-8-2017; giao phân bón tại nhà ông T và đến hạn ông phải thanh toán tiền cho Công ty tại nhà ông. Đến hạn thanh toán Công ty nhiều lần yêu cầu thanh toán tiền nhưng ông không thanh toán. Vì vậy, Công ty khởi kiện yêu cầu ông T phải trả 27.300.000 đồng tiền gốc và 4.095.000 đồng tiền lãi (trong thời hạn 10 tháng tính từ ngày 26-12-2017 với mức lãi suất 1,5%/tháng theo thỏa thuận).

*Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Trịnh Văn T trình bày:* Ông T công nhận có mua của Công ty 07 tấn phân bón, loại phân hữu cơ vi sinh, giá bán là 3.900.000 đồng/tấn, thành tiền là 27.300.000 đồng; Công ty đã giao phân bón cho ông và cho nợ tiền thanh toán đến ngày 25-12-2017; trường hợp quá hạn không thanh toán thì phải chịu lãi suất quá hạn là 1,5%/tháng; theo thỏa thuận trong giấy có nội dung Hợp đồng mua bán kèm phiếu giao nhận hàng hóa ngày 05-8-2017. Sau khi mua phân bón của Công ty sử dụng cho vườn cà phê của ông, do khi sử dụng ông có trộn với các loại phân bón khác nên vườn cà phê của ông không bị ảnh hưởng; tuy nhiên, một số hộ dân ông T để lại phân bón mua của Công ty sau khi sử dụng thì ông T thấy vườn cà phê của họ bị vàng, rụng lá và chết dần, ông T có gọi điện Công ty cử người xuống để giải quyết, xử lý nhưng không được giải quyết. Mặt khác, đến hạn thanh toán cũng không có người đến thu tiền như Công ty đã trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty, ông T chỉ đồng ý trả tiền gốc cho Công ty với điều kiện Công ty phải giải quyết việc vườn cà phê của những người sử dụng phân bón dẫn đến bị chết, khi đó họ trả tiền cho ông thì ông mới có tiền trả cho Công ty; về tiền lãi do Công ty không đến thu tiền nên ông không đồng ý chịu tiền lãi.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2018/DS-ST ngày 29-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, quyết định: Áp dụng Điều 117; Điều 398; Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Y, buộc ông Trịnh Văn T phải thanh toán cho Công ty 27.300.000đ (Hai mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng) tiền gốc và phải chịu 4.095.000đ (Bốn triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13-12-2018, ông Trịnh Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu như tại phiên tòa sơ thẩm và nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích và đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 52/2018/DS-ST ngày 29-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Trịnh Văn T trong thời hạn luật định, ông Tuấn đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hợp đồng mua bán phân bón giữa Công ty TNHH MTV Y (gọi tắt là Công ty Y) và ông T được lập bằng văn bản, nội dung hợp đồng đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 398 và Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại thời điểm bán phân bón, Công ty Y có quyền sở hữu đối với tài sản và không thuộc trường hợp bị cấm chuyển quyền, cấm lưu hành. Thỏa thuận giữa Công ty và ông T là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp pháp, đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định của pháp luật, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Các bên đều thừa nhận các nội dung thể hiện trong Hợp đồng mua bán kèm phiếu giao nhận ngày 05-8-2017. Theo đó, ông T đã kiểm tra và nhận đủ 07 tấn phân bón của Công ty Y giao mà không có ý kiến gì; trong quá trình giải quyết vụ án ông Tuấn trình bày, sau khi sử dụng phân bón của Công ty Y thì cây trồng bị chết và đã phản ánh với Công ty Y nhưng không được Công ty Y giải quyết. Tuy nhiên ông T không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện việc phản ánh với

Công ty Y và chứng minh thiệt hại do sử dụng phân bón của Công ty Y gây thiệt hại cho cây trồng.

Trong Hợp đồng mua bán kèm phiếu giao nhận ngày 05-8-2017 giữa Công ty Y và ông T không có thỏa thuận về địa điểm trả tiền phân bón. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 29-11-2018, đại diện Công ty Y và ông T đều thừa nhận địa điểm trả tiền phân bón là tại nhà ông T (Công ty Y cho nhân viên thu trực tiếp tại nhà ông T). Theo ông Trần Văn Y đại diện Công ty Y trình bày đã nhiều lần cho nhân viên đến tận nhà thu tiền nhưng không gặp được ông T nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào thể hiện đã đến thu tiền nhưng không gặp ông T, trong khi đó ông T lại trình bày do không thấy Công ty Y đến thu tiền nên ông không trả tiền. Xét thấy việc không thu được nợ là do lỗi của Công ty Y nên không có căn cứ để buộc ông T phải chịu lãi suất quá hạn với số tiền 4.095.000 đồng theo yêu cầu của Công ty Y.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trịnh Văn T, sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần lãi suất.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Trịnh Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trịnh Văn T; sửa bản án sơ thẩm số: 52/2018/DS-ST ngày 29-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng Điều 117; Điều 398; Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 26; Điều 27; Điều 28; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Y, buộc ông Trịnh Văn T phải thanh toán cho Công ty 27.300.000đ (*Hai mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng*) tiền gốc.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Y về khoản tiền lãi 4.095.000đ (*Bốn triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

### **2. Về án phí:**

**2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Trịnh Văn T phải chịu 1.365.000đ (*Một triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Y 785.000đ (*Bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0002249 ngày 17-10-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Buộc Công ty TNHH MTV Y phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

**2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:** Hoàn trả cho ông Trịnh Văn T 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0003822 ngày 25-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

**3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Glong;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**K'Tiêng**